

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+BK9+BK16	7:25	21+0+0	0+0+0		12+8+2	0+0+0	chuyen 1 bk9-bk16
2		P5+P10	7:25	21+1	0+0		10+12	0+0	
3		TD3	7:25	22	0		22	0	
4		P4+HST	7:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
5		P1+TD1	9:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
6		P7+P8+P10	9:25	5+16+0	0+0+0		2+15+5	0+0+0	
7		P7+TD3	9:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
8		P1+BK14	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
9		TGTH1+AMD	11:00	4+14	0+0		3+16	0+0	ec225
10		BK10+RP1+CLO	11:40	15+4+0	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
11		P4+P8	11:40	15+3	0+0+0		15+7	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 2 người Clo về đi P8.

2/ Đi về trong ngày P4-6ng, P5-6ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
B.CARD: CAM-1	TO: CLO - BK9 - BK16	CREW: DƯƠNG - MTHAO - HUY	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/2715	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DATSKO PAVEL	CLO	14	1	13	2	35	115	KHOAN	Russian
2	BÙI ĐỨC LUÂN	CLO	18	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HIẾU	CLO	19	1	14			85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	16	1	11			69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUY THÁI	CLO						75	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	17	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	07	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN HỮU SƠN	CLO	11	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VIỆT THỨC	CLO	20	1	10			84	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	15	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN BÙI QUANG	CLO	12	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN TUẤN	CLO	23	1	2			72	KHOAN	Vietnamese
13	CAO VĂN VIỆT	CLO	13	1	2			75	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC NGỌC	CLO	09	1	11			88	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ NGỌC LUÂN	CLO	02	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
16	BÙI QUANG MẠNH	CLO	05-06	2	10			76	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU XUÂN HẠNH	CLO	04	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
18	ĐINH VĂN BẮC	CLO	08	1	13			66	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐẠT	CLO	10	1	7			56	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN YÊN	CLO	03	1	7			48	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO	01	1	4			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	21	1.528	21	151	2	35	12		
2	BK9	0	0	0	0	2	36	8	+1	CHUYEN 1 PAX BK9-BK16
3	BK16	0	0	0	0	1	20	2		
TOTAL		21	1.528	21	151	5	91	22		
WEIGHT KG			1.528		151		91			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: XANH-1	TO: P5 - P10	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/2712	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG MINH QUÂN	P5	24-25	2	10			61	SGC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀI VŨ	P5						62	D-HANH	Vietnamese
3	VŨ VĂN SỸ	P5	22	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG THÀNH TRUNG	P5						73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P5	29	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MẠNH HÙNG	P5						71	ANTOAN	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC TÙNG	P5	23	1	4			77	YTE	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TÌNH	P5	28	1	6			69	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P5	26	1	2			92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THẾ HẠNH	P5	17	1	11	1	19	73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG HIẾU	P5	27	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG PHÚC	P5						50	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HOÀNG	P5	19-20	2	19			85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH DŨNG	P5	18	1	6			54	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC HUY	P5	21	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	31-32	2	11			75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TUẤN ANH	P10	78	1	7			75	PSV	Vietnamese
18	TRƯƠNG THỊ NGỌC ANH	P10	60	1	4			55	YTE	Vietnamese
19	TRINH TUẤN ANH	P10						64	D-HANH	Vietnamese
20	PHAN QUỐC TUẤN	P10				2	15	83	D-HANH	Vietnamese
21	ĐỖ NGỌC ANH	P10						91	D-HANH	Vietnamese
22	HÀ MINH TUẤN	P10						79	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	16	1.129	15	88	1	19	10		
2	P10	6	447	2	11	2	15	12		
TOTAL		22	1.576	17	99	3	34	22		
WEIGHT KG			1.576		99		34			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
B.CARD: XANH-2	TO: TD3	CREW: DU'ONG - MTHAO - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/2709		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	55	1	11	5	90	75	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HẠNH	TD3	63	1	7			87	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN QUANG BẮC	TD3	95	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
4	CHU VĂN THẮNG	TD3	91	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
5	BÙI CÔNG SƠN	TD3	93	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN LÝ	TD3	97-98	2	9			62	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN HÀ MINH TUẤN	TD3	94	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	92	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG THÁI	TD3	53	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TIẾN DŨNG	TD3						71	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD3	56	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH VĂN THANH	TD3	99	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HÒ THIÊN TÂM	TD3	60	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN BÁ ĐỨC	TD3	69,200	2	20	3	37	90	DVL	Vietnamese
15	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	61	1	8	1	6	90	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ THẾ CÔNG	TD3	96	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
17	BÙI TRUNG HIẾU	TD3	57	1	12			71	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC HẢI	TD3	600	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
19	LƯƠNG HỮU HẬU	TD3	51-52	2	20			87	KH-THAC	Vietnamese
20	BÙI THẾ DƯƠNG	TD3	54	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC BÌNH	TD3	58-59	2	17			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	21	1.575	24	188	9	133	22		
TOTAL		21	1.575	24	188	9	133	22		
WEIGHT KG			1.575		188		133			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: VANG-1	TO: P4 - HST	CREW: LHM - M.ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/2719		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HỮU THẾ	P4						60	XNKT	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P4	23	1	5			70	D-HANH	Vietnamese
3	VÕ DUY TOÀN	P4	21	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY THÁI	P4	17	1	4	4	75	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT BẰNG	P4	22	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	11	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THÁI SƠN	P4	14	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRUNG CHÍNH	P4	18	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4	19	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH TUAN	P4	09-10	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HẢI KIÊN	P4						78	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG THẾ ANH	P4	24	1	4			68	NIPI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN LINH	P4						77	NIPI	Vietnamese
14	VÕ HỒNG TÍN	P4	12-13	2	9			80	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC PHÒNG	P4	20	1	3			66	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
16	LÊ ANH THẮNG	P4	16	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NHÂN HẢI	P4	25	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN NGỌC TUẤN	P4	15	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG TRUNG KIÊN	HST	22	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NHẠ	HST	34	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TUẤN CHUNG	HST	36	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN MINH HOÀI	HST	35	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	18	1.205	17	81	4	75	17		
2	HST	4	253	4	31	0	0	5		
TOTAL		22	1.458	21	112	4	75	22		
WEIGHT KG			1.458		112		75			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LƯU THANH HẢI

TRƯỞNG CƠM ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P1 - TD1	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/2710	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VASIANKIN A.	P1	76	1	14			119	KH-THAC	Russian
2	PIATOV S. V.	P1	77	1	12			101	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN HOÀNG VINH	P1	72	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO MINH TUẤN	P1	73	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC HÙNG	P1	74	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG TRƯỜNG	P1	75	1	9	2	20	78	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN NAM	TD1	68	1	10	2	30	79	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ QUỐC BẢO	TD1	61	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VĂN HỘI	TD1	71	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ANH	TD1	66	1	17			83	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG HÙNG	TD1	58-59	2	12			75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	55	1	7	1	16	74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	53-54	2	7			94	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ BÁ PHƯƠNG	TD1	69-70	2	11			74	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN HIẾU	TD1	67	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	63	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
17	MAI THÀNH ĐẠT	TD1	64-65	2	13			82	DVL	Vietnamese
18	NGÔ THANH SƠN	TD1	60	1	11			79	DVL	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGỌC	TD1						75	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD1	57	1	5			70	PSV	Vietnamese
21	LÊ XUÂN TÌNH	TD1	52	1	5			91	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	6	506	6	58	2	20	5		
2	TD1	15	1.170	18	123	3	46	17		
TOTAL		21	1.676	24	181	5	66	22		
WEIGHT KG			1.676		181		66			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P7 - P8 - P10	CREW: LHM - T.HIEU - TDUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2713	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN BACH	P7				4	70	73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DUC THUAN	P7	11	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NAM HAI	P7	02	1	8	3	29	72	T-TIN	Vietnamese
4	PHAM VAN LUU	P7	78	1	5			69	YTE	Vietnamese
5	PHAN DUY LONG	P7	79,10	2	17			59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO HOANG NAM	P7	06	1	12	1	11	77	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VAN CHINH	P8	51	1	6			91	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MINH HIEU	P8	59	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
9	VO VAN HUNG	P8	64	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TAN PHUOC	P8	63	1	10			61	KHOAN	Vietnamese
11	KHUAT QUANG KIEN	P8	61	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG HAO	P8	65	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN MAO	P8	62	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN PHAN DIEP	P8	66	1	9			63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN SINH	P8	67-68	2	13			67	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGOC LAM	P8	52-53	2	14			72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUY HUNG	P8	55-56	2	14			72	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN QUOC TUAN	P8	60	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM DINH THUYET	P8	54	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
20	LE TIEN DUNG	P8	49	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN HUY PHUC	P8	57-58	2	9			64	KHOAN	Vietnamese
22	LE CAO HAI	P8	50	1	6			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	6	430	6	48	8	110	2		
2	P8	16	1.135	20	127	0	0	15		
3	P10	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	1.565	26	175	8	110	22		
WEIGHT KG			1.565		175		110			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

CREW

LUU THANH HAI

LE TRUNG HIEU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P7 - TD3	CREW: LHM - T.HIEU - TDUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/2716	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN TRỌNG TUẤN	P7	65	1	14	1	9	72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN KHIÊM TRÍ	P7	64	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
3	HUỖNH THANH TAM	P7	76	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	70	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THIÊN	P7	73	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG THANH	P7	68-69	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LƯƠNG TÂM	P7	66-67	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THÌN	P7	72	1	16			78	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ NGỌC DƯƠNG	P7	74-75	2	12			67	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ NGHĨA TÀI	P7	71	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	77	1	4			77	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	TD3	79	1	5	3	55	84	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN BÙI NAM	TD3	76	1	13			99	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	TD3	78	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	TD3	74	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC HÙNG	TD3	81	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ XUÂN TIẾN	TD3	82	1	5			72	PSV	Vietnamese
18	CAO DUY LŨNG	TD3	80	1	6			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TẮT LỘC	TD3	73	1	3			58	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3						72	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN PHI DÂN	TD3	75	1	11			55	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	11	835	14	104	1	9	11		
2	TD3	10	724	9	60	3	55	11		
TOTAL		21	1.559	23	164	4	64	22		
WEIGHT KG			1.559		164		64			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LƯU THANH HẢI
LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
B.CARD: VANG-3	TO: P1 - BK14	CREW: HUNG - VTHANG - THANH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/2720	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	P1	88	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG ÁNH HUNG	P1	93	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
3	HUỶNH NGỌC BÍCH	P1	86-87	2	11			70	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	99	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ KIÊN TRUNG	P1	83	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ANH SƠN	P1	89-90	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ QUANG ANH	P1	95	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ VĨNH	P1	85	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
9	THIỀU KIM TÂN	P1	94	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI HUY NGHIỆP	P1						76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM SỸ HIỆP	P1	98	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ NĂM CƯƠNG	P1						70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH HÒA	P1	84	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	96	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THẮNG	P1	82	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	97	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY LÂM	P1	02,37	2	9			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	P1	80-81	2	12			54	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THANH QUANG	P1	71	1	8			68	VIỆT PHÁT	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN THÀNH	P1	880	1	7			85	CODIEN	Vietnamese
21	DƯƠNG HỮU THUẬN	P1	45	1	6	6	80	65	CODIEN	Vietnamese
22	TRẦN ĐƯỜNG	P1	91-92	2	20			66	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	22	1.492	25	160	6	80	20		
2	BK14	0	0	0	0	1	14	2		
TOTAL		22	1.492	25	160	7	94	22		
WEIGHT KG			1.492		160		94			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:00
B.CARD: CAM-3	TO: TGTH1 - AMD	CREW: MMINH - XTRƯỜNG	ETA: 12:50
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/2721	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VIỆT LÂM	TGTH1	60	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	TGTH1	58-59	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN THOA	TGTH1	61	1	15			82	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	TGTH1	57	1	6			67	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC TAN	AMD	83	1	6			74	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	84	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	596-597	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	87	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH HUNG	AMD	92-93	2	11			58	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI KHẮC HOÀNG	AMD	96	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN ĐỒNG	AMD	85-86	2	8			57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN SÁU	AMD	82	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	99,400	2	6			67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG LONG	AMD	94	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	91	1	15			83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NHÀN	AMD	88	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH HỮU TÌNH	AMD	95	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
18	BÙI SỸ QUYỀN	AMD	97-98	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	4	298	5	43	0	0	3		
2	AMD	14	913	19	109	0	0	16		
TOTAL		18	1.211	24	152	0	0	19		
WEIGHT KG			1.211		152		0			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

MÀU MẠNH MINH
HÀ XUÂN TRƯỜNG

☐
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:00
B.CARD: NAU-4	TO: BK10 - RP1 - CLO	CREW: HUNG - VTHANG - THANH	ETA: 15:40
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/2711	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN TRỌNG SƠN	BK10	87	1	9			84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SOÀI	BK10	88	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÂM VĂN HẠNH	BK10	89	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ANH TUẤN	BK10	90-91	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUY	BK10	83	1	14			79	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI XUÂN NGỌC	BK10	71-72	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC TUẤN	BK10	75-76	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH PHÚC	BK10	78-79	2	20			54	XAYLAP	Vietnamese
9	TRỊNH THANH GIANG	BK10	80	1	15			74	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ CÔNG THƯỜNG	BK10	84-85	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
11	VÕ VĂN ĐẠO	BK10	77	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	BK10	81-82	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	BK10	86	1	19	2	13	73	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN THẮNG	BK10	69-70	2	14			66	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN THẮNG	BK10	73	1	10	1	14	65	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN LÂM	RP1	04-05	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
17	HUỖNH MINH SANG	RP1	06-08	3	11			77	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN XUÂN THÀNH	RP1	09	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
19	VÕ VĂN TUẤN TỬ	RP1	10	1	7			70	PSV	Vietnamese
20	DINH ĐỨC TIẾN	CLO	24	1	8			75	PVD TRANING	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	15	1.064	22	210	3	27	0		
2	RP1	4	288	7	40	0	0	9		
3	CLO	1	75	1	8	0	0	13		
TOTAL		20	1.427	30	258	3	27	22		
WEIGHT KG			1.427		258		27			

GRAND TOAL: 1/112 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 19/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 14:00
B.CARD: VANG-4	TO: P5 - P4	CREW: ĐỨC - T.HIỆU - TDUNG	ETA: 15:50
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/2714	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẬU CÔNG SÁU	P5	34	1	5			85	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	38-39	2	14			61	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
3	LÊ VĂN ĐÀN	P5	40	1	9			60	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU TÙNG BÁCH	P5	41	1	5			64	BIEN DONG	Vietnamese
5	TRAN DINH PHUONG	P5	36	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUY TAI	P5	35	1	14			60	KH-THAC	Vietnamese
7	VU XUAM TAM	P5	33	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH TUAN	P5	37	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TÂN	P4	52	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HÃ	P4	08	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
11	HUỖNH BẢ NINH	P4	57-58	2	6			58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TOÀN	P4	56	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	04	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN THÀNH NAM	P4	61	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀM VĂN QUẢNG	P4	54	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG	P4	53	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HAI	P4	06	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN BA	P4	05	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỒNG TRUNG	P4	55	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
20	BÙI MẠNH CƯỜNG	P4	01	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN LÊ TÙNG	P4	02-03	2	18			60	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC LÂN	P4	07	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	8	545	9	78	0	0	7		
2	P4	14	949	16	92	0	0	15		
TOTAL		22	1.494	25	170	0	0	22		
WEIGHT KG			1.494		170		0			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
LÊ TRUNG HIỆU

